

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCB, TNG

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại vùng giá cao với những mã đã trải qua nhịp hồi phục mạnh từ đáy, đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh, quay lại vùng hỗ trợ sau đó

02/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,090.84	+1.15
VN30	1,086.96	+1.77
HĐTL VN30F1M	1,078.80	+1.30
HNXIndex	226.03	+0.92
HNX30	419.68	+0.35
UPCoM	83.96	+0.54
USD/VND	23,482	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.05	-6
Lãi suất qua đêm (%)	3.96	+16
Dầu (WTI, \$)	70.78	+0.97
Vàng (LME, \$)	1,977.67	+0.00



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,090.84 (+1.15%)  
**KLGD (triệu CP)** 973.4 (+21.7%)  
**GTGD (triệu U\$)** 781.4 (+32.4%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VPB (+2.3%), VNM (-0.3%), STB (+1.1%).

**HNXIndex** 226.03 (+0.92%)  
**KLGD (triệu CP)** 127.0 (+5.5%)  
**GTGD (triệu U\$)** 76.4 (+10.2%)

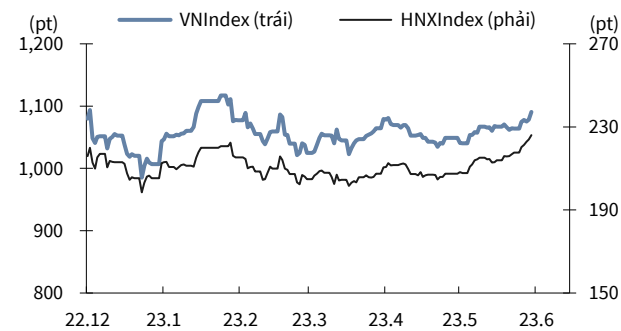
Chiều 1/6, góp ý về chủ trương tiếp tục giảm thuế VAT 2% theo Nghị quyết số 43 của Quốc hội, nhiều đại biểu quốc hội đề nghị kéo dài giảm thuế VAT 2% đến hết năm 2024. Cổ phiếu ngành bán lẻ tăng giá ở MWG (+3.82%), DGW (+3.18%).

**UPCoM** 83.96 (+0.54%)  
**KLGD (triệu CP)** 116.1 (+23.8%)  
**GTGD (triệu U\$)** 36.6 (+13.0%)

Giá đường trong nước bắt đầu tăng nhờ ảnh hưởng giá đường thế giới và dự kiến sẽ tăng từ Q2/2023. Trong tháng 5/2023, giá đường trong nước tăng lên 20,000 đồng/kg (+10% so với đầu năm, +12% so với cùng kỳ). Cổ phiếu ngành mía đường tăng giá ở SLS (+0.25%), KTS (0%).

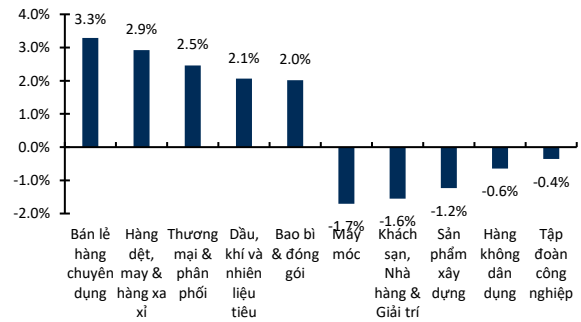
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -10.9

## VNIndex & HNXIndex



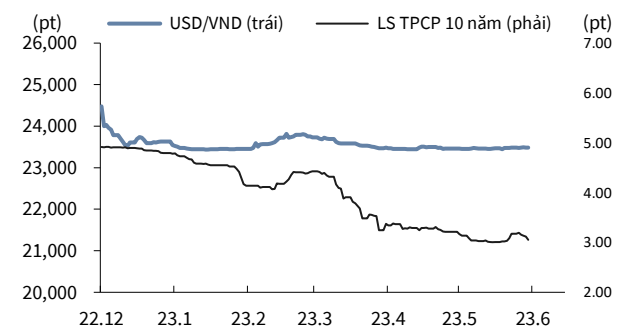
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

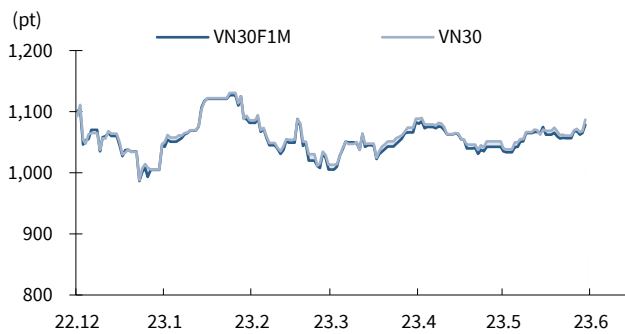
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,086.96 (+1.77%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,078.8 (+1.30%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,069.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,084.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,068.4</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất phiên tại 1.2 điểm sau đó đảo chiều và biến động trong biên độ âm quanh mức -5.7 điểm và đóng cửa tại -8.16 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

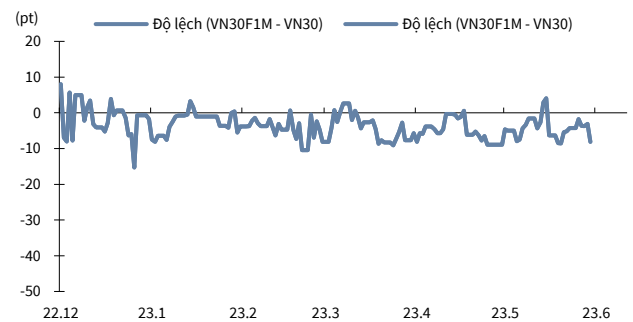
**KLGD (HĐ)**      **213,035 (+40.2%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



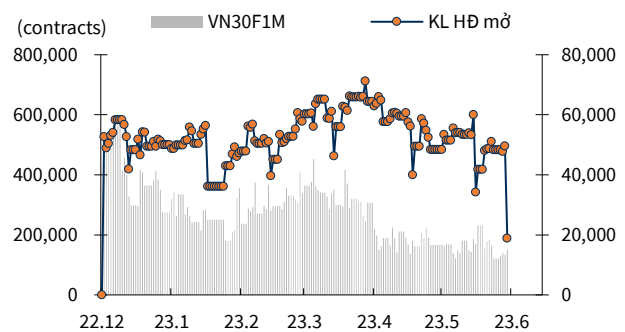
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



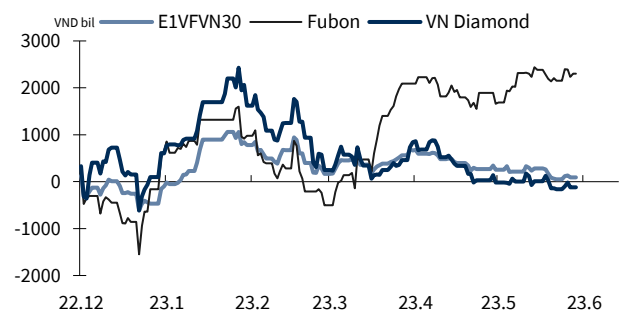
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

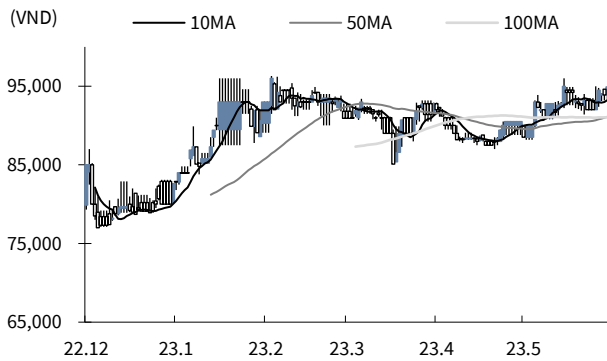
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)

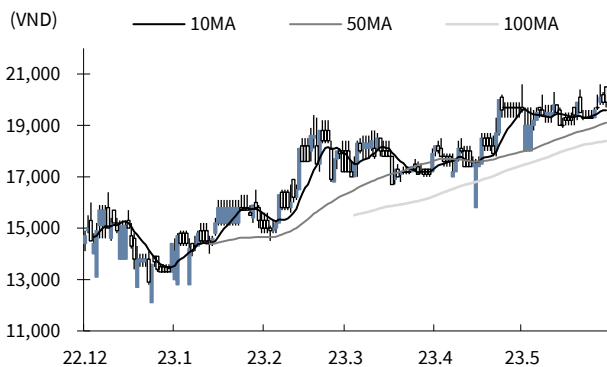


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB tăng 1.06% lên 94,900VND/cp

- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam vừa phê duyệt tổng hạn mức cấp tín dụng cho các dự án cơ sở hạ tầng của CII là 9,340 tỷ đồng. Cụ thể, tổng hạn mức cấp tín dụng cho CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội hơn 2,397 tỷ đồng. Thời hạn vay là 7 năm nhưng không vượt quá ngày 26/11/2029. Đối với CTCP BOT Trung Lương – Mỹ Thuận, tổng hạn mức cấp tín dụng là hơn 6,942 tỷ đồng. Thời hạn vay là 12 năm nhưng không vượt quá ngày 9/1/2035.

## CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

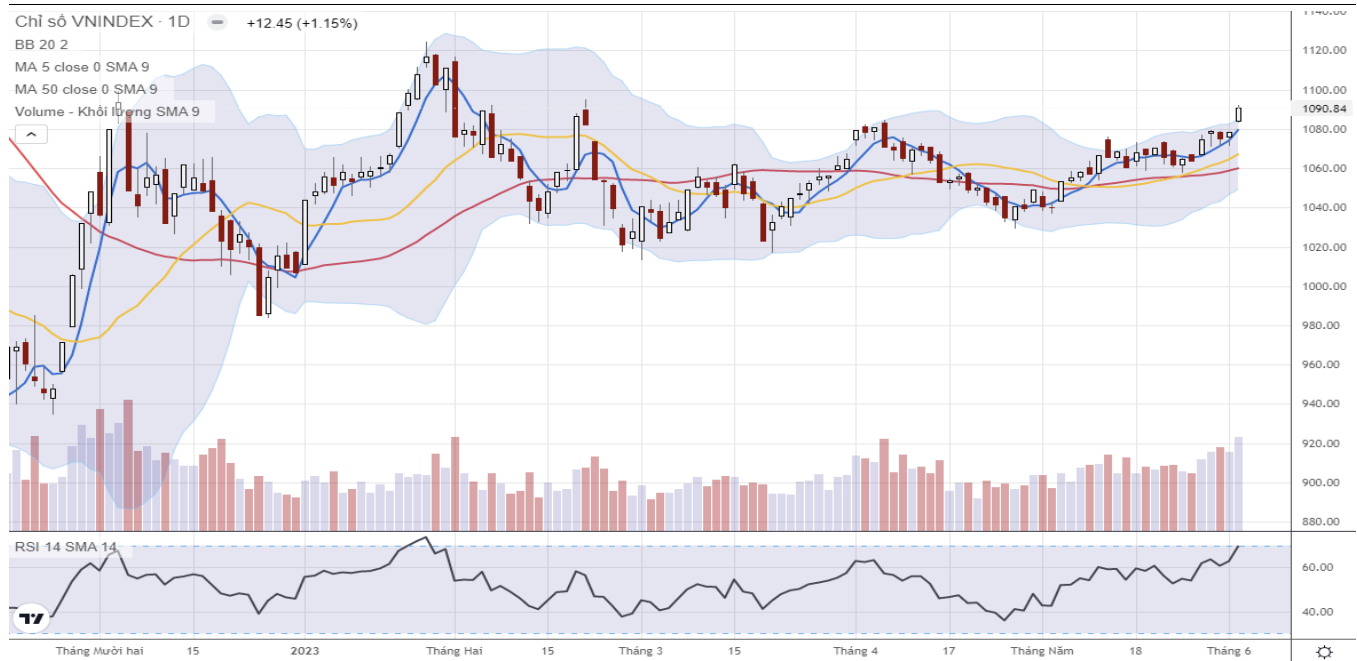
- TNG giá không đổi tại 19,900VND/cp

- CTCP Đầu tư và Thương mại TNG vừa công bố doanh thu tiêu thụ tháng 5/2023 đạt 668 tỷ đồng, tăng 2% YoY và 6.5% MoM. Lũy kế 5 tháng đầu năm, doanh thu tiêu thụ của công ty đạt 2,630 tỷ đồng, tăng 159 tỷ đồng, tương ứng tăng 6.5% YoY. Trong đó xuất khẩu chiếm 98%, chủ yếu sang các nước Mỹ (47%), Pháp (16%), Canada (11%).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

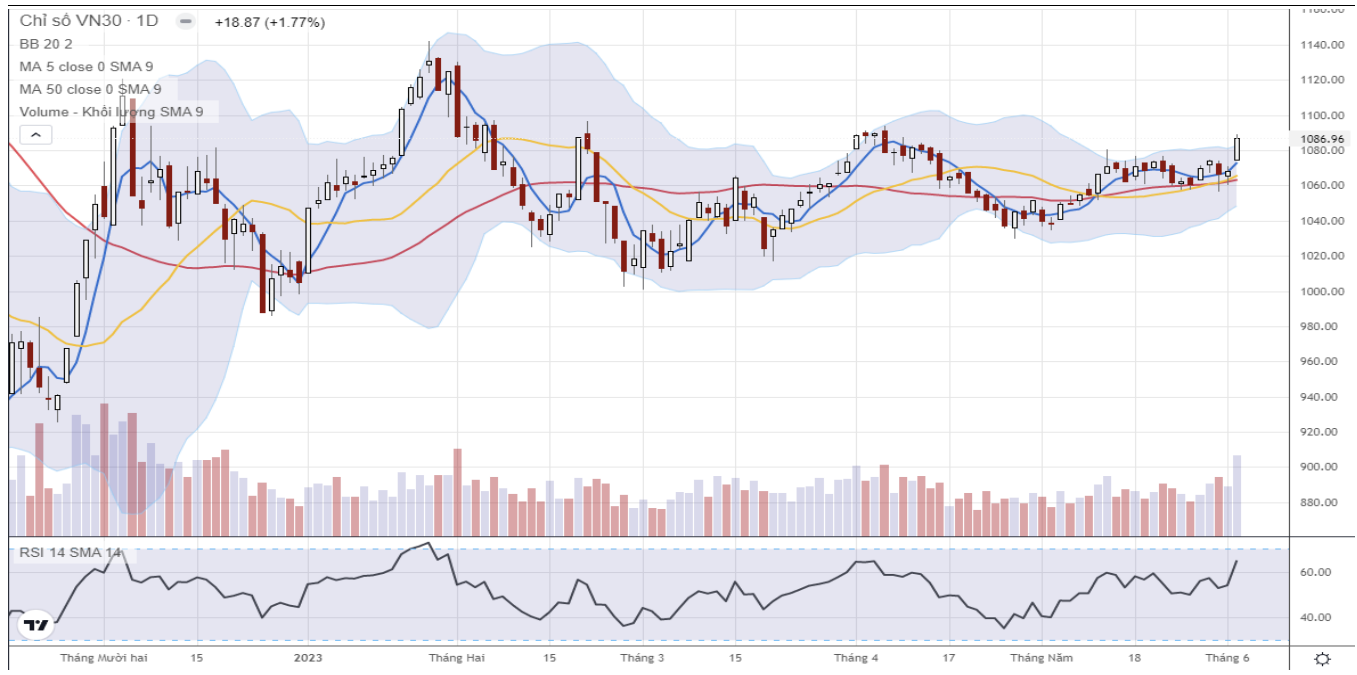
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



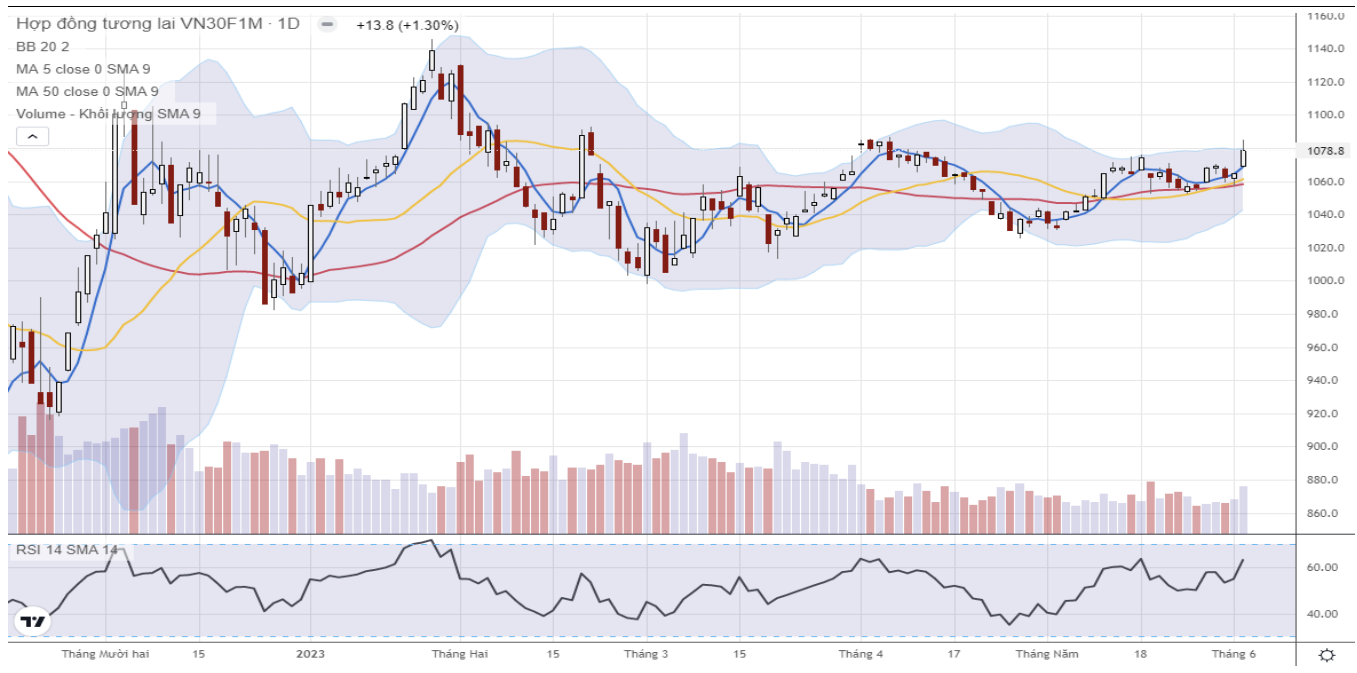
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap đầu phiên, VNIndex trải qua một nhịp tăng điểm hưng phấn đến cuối phiên.
- Biên độ tăng điểm mở rộng cung thanh khoản cải thiện đã giúp cho trạng thái thị trường trở nên tích cực hơn và để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp tăng điểm trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, VNIndex sẽ sớm gặp áp lực rung lắc trở lại khi tiếp cận ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1100 (+5).
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại vùng giá cao với những mã đã trải qua nhịp hồi phục mạnh từ đáy, đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh, quay lại vùng hỗ trợ sau đó.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1090 - 1093

Kháng cự gần: 1082 - 1085

Hỗ trợ gần: 1068 - 1070

Hỗ trợ xa: 1063 - 1065

- Sau nhịp mở gap đầu phiên, F1 tăng điểm hưng phấn trong phiên trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Biên độ tăng điểm mở rộng cung thanh khoản cải thiện đã giúp cho trạng thái thị trường trở nên tích cực hơn và để ngỏ cơ hội mở rộng nhịp tăng điểm trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, F1 sẽ gặp áp lực rung lắc trở lại khi tiếp cận ngưỡng cản đáng lưu ý quanh 1100 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

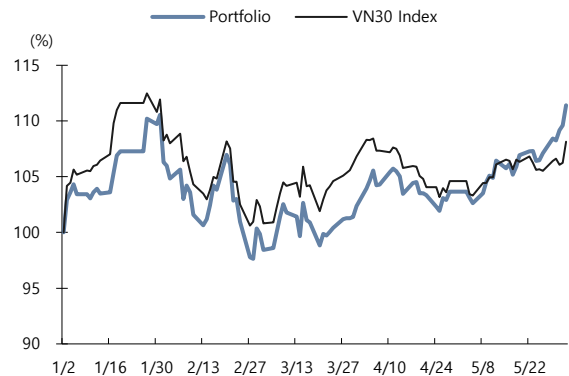
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.77%	1.63%
Tăng lũy kế (YTD)	8.13%	11.41%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	40,800	3.8%	5.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	24,100	2.8%	15.0%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,000	3.8%	27.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	26,300	0.6%	7.3%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,800	1.0%	15.8%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,800	0.4%	245.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,650	2.5%	51.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	92,000	0.0%	25.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,600	0.9%	94.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	28,650	0.5%	178.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	1.1%	49.0%	62.4
SSI	2.8%	43.4%	50.2
VCI	0.4%	29.8%	25.3
CTG	2.5%	43.4%	23.9
KBC	0.5%	22.2%	20.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	2.3%	8.6%	-93.6
VNM	-0.3%	55.0%	-71.6
STB	1.1%	5.6%	-38.3
HCM	0.0%	96.6%	-33.4
GMD	0.8%	11.6%	-31.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TVD	3.9%	4.5%	1.3
DTD	-5.4%	0.4%	0.6
VCS	0.2%	1.1%	0.6
MBG	-3.2%	59.7%	0.3
PPS	1.6%	1.2%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.3%	20.8%	-18.9
SD5	9.9%	1.1%	-5.0
PTI	10.0%	7.0%	-2.1
NVB	9.6%	3.3%	-1.5
SHS	1.7%	15.8%	-1.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	7.8%	GVR, DGC, DPM, DCM
Chứng khoán	7.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Thiết bị điện	7.1%	GEX, SAM, CAV, RAL
Bán lẻ hàng chuyên dụng	6.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Thương mại & phân phối	6.0%	VPG, TSC, BTT, TNA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-2.1%	AST, VNG, DSN, DAH
Phụ tùng oto	-1.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Tiện ích khí	-1.8%	GAS, PGD, PMG
Tiện ích điện	-1.1%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng không dân dụng	-1.0%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	17.5%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	15.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Chứng khoán	14.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	12.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	12.2%	TCH, HHS, SRF, SHA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-7.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-4.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	-4.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Vận tải hàng không & Logistics	-4.0%	TMS, SCS, STG, ASG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.6%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	94,167 (4.0)	22.5	70.1	64.2	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	0.0	0.0	-0.2	-3.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	78,283 (3.3)	26.6	7.9	7.3	35.9	18.6	17.2	1.4	1.2	0.8	-2.9	7.9	11.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	84,326 (3.6)	17.8	15.8	14.1	-7.6	10.8	11.9	1.7	1.6	0.9	-2.2	-2.2	3.0
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	257,627 (11.0)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	-0.4	6.9	-3.1	-1.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	52,956 (2.3)	11.6	23.1	15.9	13.7	7.8	11.3	1.7	1.6	0.0	-1.3	-1.3	10.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	263,880 (11.2)	13.9	37.0	27.8	-	2.8	3.6	-	-	0.0	4.8	12.2	18.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	57,214 (2.4)	6.3	13.2	11.5	11.7	23.0	21.0	2.6	2.1	1.1	3.2	4.9	18.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	28,677 (1.2)	12.7	11.7	9.7	-5.3	20.3	20.4	2.0	1.6	1.8	3.0	2.8	15.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	119,819 (5.1)	0.0	5.5	4.7	14.3	16.8	16.2	0.8	0.7	6.3	7.7	9.2	24.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	104,414 (4.4)	1.4	8.4	6.7	50.3	16.4	17.7	1.1	1.0	2.5	3.1	-0.7	5.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	172,714 (7.4)	0.0	8.8	6.7	18.8	13.8	14.6	1.1	1.0	2.3	3.7	-0.3	10.9
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	149,388 (6.4)	0.0	4.8	4.1	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	4.8	6.8	6.8	15.2
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	35,812 (1.5)	4.2	4.4	4.6	23.3	25.4	20.0	1.0	0.8	2.4	-2.3	1.3	19.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	425,277 (18.1)	14.0	7.5	4.4	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	1.1	4.0	11.9	25.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	103,817 (4.4)	0.0	6.9	6.0	37.4	20.6	20.5	1.2	1.0	0.6	11.2	10.5	24.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	69,824 (3.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.7	8.4	12.2	-9.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	24,430 (1.0)	21.0	15.9	14.2	15.8	10.1	10.6	1.5	1.4	1.0	1.3	-1.8	-5.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,545 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.0	4.2	8.1	14.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	433,443 (18.5)	55.4	19.9	16.2	-3.2	8.3	10.2	1.6	-	2.8	6.9	11.8	36.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	163,382 (7.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.4	2.9	10.1	50.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	135,533 (5.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.0	3.8	9.8	37.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	443,368 (18.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.5	14.7	22.8	35.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	105,985 (4.5)	42.1	15.7	14.5	4.0	29.0	30.6	3.9	3.8	-0.3	-1.8	-5.9	-13.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,246 (0.8)	36.9	22.1	20.1	7.3	21.2	21.5	3.8	4.2	-0.1	1.6	-8.1	-5.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	57,827 (2.5)	16.5	39.2	18.3	-51.9	8.0	12.9	3.6	3.7	0.7	0.4	-1.1	-22.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,512 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.0	3.7	6.2	-5.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	61,071 (2.6)	11.0	83.7	45.4	-88.5	5.9	11.2	-	-	-0.7	-1.3	-0.2	-11.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	36,124 (1.5)	10.8	12.6	16.5	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	0.8	3.6	-2.3	13.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	129,175 (5.5)	38.4	14.6	11.9	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	4.0	5.2	26.0	41.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	240,784 (10.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.6	14.0	30.0	37.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	36,232 (1.5)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	-0.6	-0.6	7.8	93.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	29,626 (1.3)	0.0	10.5	9.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	0.2	-0.2	6.2	-1.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	37,760 (1.6)	46.1	15.3	15.2	-17.5	19.0	18.2	2.8	2.6	0.0	-1.8	-0.9	-9.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,980 (0.9)	31.4	14.1	12.3	-10.5	15.1	17.1	2.1	2.1	-0.3	0.0	4.3	14.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,935 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.6	2.0	2.0	23.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	360,567 (15.4)	18.0	14.0	10.0	21.9	9.1	11.8	1.2	1.1	0.9	2.4	-0.2	20.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	64,195 (2.7)	36.5	8.1	9.6	-0.5	15.2	11.6	0.9	0.9	2.1	2.4	-4.0	-24.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	58,629 (2.5)	46.5	11.2	9.5	-4.5	10.6	13.6	1.2	1.2	2.5	4.7	4.2	-6.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	222,301 (9.5)	38.9	-	12.8	67.9	-0.7	6.7	0.8	0.7	2.0	1.0	0.0	34.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	67,472 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.3	7.3	11.4	71.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,707 (1.1)	4.6	16.9	1.4	-51.0	11.2	37.8	1.9	0.7	2.1	1.6	2.1	20.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	134,060 (5.7)	39.9	19.5	13.0	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	1.7	1.9	16.0	36.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	61,317 (2.6)	35.9	8.1	7.0	2.2	13.8	14.3	1.0	0.9	0.5	1.0	3.9	-3.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	80,626 (3.4)	0.0	20.8	11.4	14.4	11.1	18.3	2.3	2.0	3.8	6.8	4.1	-4.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	25,042 (1.1)	0.0	13.7	11.2	2.4	20.5	21.8	2.4	2.1	3.8	1.4	-5.2	-18.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,314 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	1.7	18.6	35.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	35,305 (1.5)	30.3	44.6	18.5	-75.2	-	14.1	3.4	2.8	1.7	4.8	3.4	-4.3
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	28,692 (1.2)	34.6	10.8	10.8	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	-1.4	1.8	13.6	18.9
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,519 (0.3)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.6	24.6	3.0	2.5	-0.9	0.0	5.9	31.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	66,288 (2.8)	0.0	15.3	12.7	15.5	26.9	27.4	3.8	3.3	0.4	0.8	8.1	9.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

